

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : **Vẽ kỹ thuật**

Học kỳ: 1

Khóa học : CDK2025

Năm học: 2025

Bậc đào tạo : Cao đẳng chính quy

Phòng thi: Phòng A01

Ngày thi : 16/01/2026

Giờ thi: 15.00 Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	001	25CH1A_06	Nguyễn Đặng Khả Ái						
2	002	25CH1A_02	Đỗ Ngọc Hoài An						
3	003	25CH1B_01	Huỳnh Công An						
4	004	25CH1A_03	Lâm Văn An						
5	005	25TQ1F_01S	Nguyễn Trần Hoàng Ân						
6	006	25CH1B_02	Bùi Duy Anh						
7	007	25CH1A_04	Dương Bá Anh						
8	008	25CH1D_01	Hứa Hải Anh						
9	009	25CH1A_05	Huỳnh Nguyễn Ngọc Anh						
10	010	25CS1A_53	Lê Hoàng Minh Anh						
11	011	25CH1D_03	Nguyễn Hoàng Bảo Anh						
12	012	25CH1B_04	Nguyễn Kim Anh						
13	013	25CS1A_01	Nguyễn Nhật Anh						
14	014	25CS1A_02	Nguyễn Thế Anh						
15	015	25CH1D_04	Nguyễn Vương Quốc Anh						
16	016	25CH1A_01	Phạm Nhật Anh						
17	017	25CH1B_05	Vũ Trâm Anh						
18	018	25CH1C_03	Kiều Xuân Bắc						
19	019	25CH1A_08	Nguyễn Khánh Băng						
20	020	25CH1D_06	Bùi Gia Bảo						
21	021	25CS1A_05	Nguyễn Huỳnh Hồng Bảo						
22	022	25CH1A_07	Nguyễn Phan Gia Bảo						
23	023	25CH1D_07	Phùng Duy Bảo						
24	024	25CH1B_06	Nguyễn Thanh Bình						
25	025	25CH1B_07	Trương Nguyễn Thanh Bình						
26	026	25CH1B_08	Lê Hoàng Chính						
27	027	25CS1A_07	Đoàn Quốc Cường						
28	028	25CH1B_09	Huỳnh Quốc Cường						
29	029	25CH1C_06	Trần Gia Đại						
30	030	25CH1A_09	Trần Văn Dàng						

Tổng số: **30**

Số sinh viên có mặt:

Số sinh vắng mặt:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : **Vẽ kỹ thuật**
Khóa học : CDK2025
Bậc đào tạo : Cao đẳng chính quy
Ngày thi : 16/01/2026

Học kỳ: 1
Năm học: 2025
Phòng thi: Phòng A02
Giờ thi: 15.00 Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	031	25CS1A_10	Lê Nguyễn Hải Đăng						
2	032	25CH1D_08	Phạm Thành Danh						
3	033	25CH1D_11	Nguyễn Ngọc Đạo						
4	034	25CH1A_11	Phạm Thành Đạt						
5	035	25CH1A_10	Hồ Ngọc Phương Du						
6	036	25CH1D_12	Lê Minh Đức						
7	037	25CS1A_08	Trần Tấn Dũng						
8	038	25CH1C_04	Đào Quốc Duy						
9	039	25CH1C_05	Hà Đình Duy						
10	040	25CH1D_09	Huỳnh Minh Duy						
11	041	25CH1B_10	Nguyễn Võ Thành Duy						
12	042	25CH1D_10	Trần Khánh Duy						
13	043	25CH1B_11	Trần Thanh Duy						
14	044	25CH1B_12	Huỳnh Văn Giàu						
15	045	25CH1B_13	Chau Sây Ha						
16	046	25CH1C_07	Bùi Nguyễn Ngọc Hà						
17	047	25CH1A_49	Đỗ Thị Hải						
18	048	25CH1D_14	Nguyễn Ngọc Hải						
19	049	25CS1A_13	Nguyễn Võ Gia Hân						
20	050	25CH1A_13	Trần Mỹ Hằng						
21	051	25CH1A_12	Lê Thị Phúc Hạnh						
22	052	25CS1A_11	Nguyễn Phạm Gia Hào						
23	053	25CH1D_13	Nguyễn Thái Hào						
24	054	25CH1D_15	Nhan Hiếu Hậu						
25	055	25CH1A_14	Phạm Duy Trung Hậu						
26	056	25CH1C_08	Trần Thanh Hậu						
27	057	25CH1B_15	Lê Thanh Hiền						
28	058	25CH1A_16	Đặng Hoàng Hiền						
29	059	25CS1A_14	Đào Ngọc Hiếu						
30	060	25CH1C_09	Hồ Trọng Hiếu						

Tổng số: **30**
Số sinh viên có mặt:
Số sinh vắng mặt:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...

Số bài thi:
Số tờ giấy thi:

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : **Vẽ kỹ thuật**
Khóa học : **CDK2025**
Bậc đào tạo : **Cao đẳng chính quy**
Ngày thi : **16/01/2026**

Học kỳ: **1**
Năm học: **2025**
Phòng thi: **Phòng A04**
Giờ thi: **15.00** Lần thi: **1**

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	061	25CH1A_15	Huỳnh Minh Hiếu						
2	062	25CH1D_16	Nguyễn Minh Hiếu						
3	063	25CS1A_15	Trần Cao Minh Hiếu						
4	064	25CH1B_14	Trần Lê Trung Hiếu						
5	065	25CH1D_17	Trần Trung Hiếu						
6	066	25CH1B_18	Phạm Thanh Hùng						
7	067	25CS1A_19	Đặng Hải Hưng						
8	068	25CH1D_21	Mai Gia Hưng						
9	069	25CH1C_14	Nguyễn Hữu Khánh Hưng						
10	070	25CH1C_15	Trần Bá Hưng						
11	071	25CH1A_18	Trương Gia Hưng						
12	072	25CH1B_19	Phan Cẩm Hường						
13	073	25CH1D_18	Cáp Hữu Gia Huy						
14	074	25CH1C_10	Chu Trọng Huy						
15	075	25CH1D_19	Hồ Gia Huy						
16	076	25CH1A_17	Hoàng Gia Huy						
17	077	25CH1D_20	Ngô Quốc Huy						
18	078	25CH1B_16	Nguyễn Đăng Huy						
19	079	25CH1C_11	Nguyễn Quốc Huy						
20	080	25CH1B_17	Nguyễn Tuấn Huy						
21	081	25CH1C_12	Trần Nguyễn Anh Huy						
22	082	25CS1A_16	Trần Nhật Huy						
23	083	25CS1A_17	Võ Trọng Huy						
24	084	25CH1D_22	Thành San Hy						
25	085	25CH1C_16	Phạm Tấn Kha						
26	086	25CH1C_18	Lê Thế Khải						
27	087	25CH1B_20	Huỳnh Tuấn Khanh						
28	088	25CS1A_20	Phan Hoàng Khanh						
29	089	25CS1A_21	Lương Vũ Duy Khánh						
30	090	25CH1A_19S	Nguyễn Quốc Khánh						

Tổng số: **30**

Số sinh viên có mặt:

Số sinh vắng mặt:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : **Vẽ kỹ thuật**

Học kỳ: 1

Khóa học : CDK2025

Năm học: 2025

Bậc đào tạo : Cao đẳng chính quy

Phòng thi: Phòng A05

Ngày thi : 16/01/2026

Giờ thi: 15.00 Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	091	25CH1C_17	Phan Minh Khánh						
2	092	25CH1B_21	Nguyễn Anh Khoa						
3	093	25CH1D_25	Trần Nguyễn Anh Khoa						
4	094	25CS1A_22	Trần Nguyễn Đăng Khoa						
5	095	25CH1D_26	Trương Đăng Khoa						
6	096	25CH1A_20	Võ Anh Khoa						
7	097	25CH1C_19	Hồ Minh Khôi						
8	098	25CH1B_22	Nguyễn Văn Kiên						
9	099	25CH1A_21	Dương Gia Kiệt						
10	100	25CH1A_22	Phan Gia Kiệt						
11	101	25CH1B_23	Trần Bùi Gia Kiệt						
12	102	25CS1A_23	Trần Đức Tuấn Kiệt						
13	103	25CH1B_24	Trần Tuấn Kiệt						
14	104	25CH1B_25	Hồ Trương Khánh Kỳ						
15	105	25CH1A_24	Lê Trần Đại Lâm						
16	106	25CH1C_21	Ngô Thành Lâm						
17	107	25CH1D_27	Nguyễn Vũ Hoài Lâm						
18	108	25CH1C_23	Ngô Tấn Lộc						
19	109	25CH1C_24	Nguyễn Tấn Lộc						
20	110	25CH1A_25	Nguyễn Thành Lộc						
21	111	25CH1D_28	Nguyễn Hoàng Long						
22	112	25CH1C_22	Nguyễn Thiên Long						
23	113	25CH1C_25	Võ Nguyễn Hữu Luân						
24	114	25CS1A_27	Lê Hoàng Minh Mẫn						
25	115	25CS1A_25	Nguyễn Đại Mạnh						
26	116	25CH1A_26	Trần Bình Minh						
27	117	25CS1A_28	Trần Gia Minh						
28	118	25CH1D_29	Lê Kiều My						
29	119	25CH1B_26	Nguyễn Hoàng Nam						
30	120	25CS1A_29	Nguyễn Vũ Hoài Nam						
31	121	25CH1B_27	Phùng Nhật Nam						
32	122	25CH1C_27	Trương Hạo Nam						
33	123	25CH1D_30	Võ Kỳ Nam						
34	124	25CH1D_32	Nguyễn Công Minh Nguyên						

35	125	25CH1A_27	Nguyễn Thị Bảo	Nguyễn						
36	126	25CH1A_28	Lý Thanh	Nhã						
37	127	25CS1A_30	Trần Nguyễn	Nhân						
38	128	25CH1C_28	Châu Thị Tuyết	Nhi						
39	129	25CS1A_32	Đình Quang	Phát						
40	130	25CS1A_33	Lê Trần Toàn	Phát						
41	131	25CH1B_29	Nguyễn Hoàng Tấn	Phát						
42	132	25CH1D_33	Trương Tuấn	Phát						
43	133	25CH1B_30	Chau Sóc	Phi						
44	134	25CH1B_31	Đỗ Ngọc	Phi						
45	135	25CH1B_32	Vũ Việt Hải	Phi						
46	136	25CH1B_33	Chau Sô	Phiếp						
47	137	25CS1A_34	Lê Hồng	Phong						
48	138	25CH1A_29	Trần Trọng	Phú						
49	139	25CH1B_34	Hồ Thiện	Phúc						
50	140	25CH1B_35	Nguyễn Như	Phúc						

Tổng số: **50**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...

Số sinh viên có mặt:

Số bài thi:

Số sinh vắng mặt:

Số tờ giấy thi:

Giám thị 1

Giám thị 2

Duyệt

Trưởng khoa

Thư ký khoa

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : **Vẽ kỹ thuật**

Học kỳ: 1

Khóa học : CDK2025

Năm học: 2025

Bậc đào tạo : Cao đẳng chính quy

Phòng thi: Phòng A06

Ngày thi : 16/01/2026

Giờ thi: 15.00 Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	141	25CS1A_35	Phan Tấn Phúc						
2	142	25CH1A_30	Trần Quang Phúc						
3	143	25CH1B_36	Phạm Hoài Phương						
4	144	25CH1C_31	Đặng Thị Kim Phượng						
5	145	25CH1A_32	Phạm Văn Minh Quân						
6	146	25CH1C_33	Trần Văn Quân						
7	147	25CH1C_32	Nguyễn Thế Quang						
8	148	25CH1A_33	Lê Phú Quý						
9	149	25CH1B_37	Châu Hoài Sang						
10	150	25CH1A_34	Vũ Nguyễn Hoàng Sơn						
11	151	25CH1B_38	Chau Sólth						
12	152	25CH1A_35	Lưu Đức Tài						
13	153	25CH1D_35	Trần Nguyễn Phát Tài						
14	154	25CH1A_36	Hồ Khắc Tâm						
15	155	25CH1B_39	Nguyễn Minh Tâm						
16	156	25CH1D_36	Hà Nguyễn Duy Tân						
17	157	25CH1C_36	Phương Hoài Tân						
18	158	25CH1C_37	Phan Nhật Tấn						
19	159	25CH1B_40	Nguyễn Bảo Thạch						
20	160	25CH1C_38	Lê Quốc Thái						
21	161	25CH1C_39	Trần Đức Thái						
22	162	25CH1B_41	Đào Xuân Thắng						
23	163	25CS1A_38	Trần Thiện Thanh						
24	164	25CH1A_37	Ngô Nguyễn Phước Thành						
25	165	25CH1A_38	Nguyễn Thành Thật						
26	166	25CH1A_39	Đoàn Văn Thép						
27	167	25CS1A_40	Đinh Phi Thiên						
28	168	25CH1C_40	Ngô Hoàng Thiên						
29	169	25CH1D_38	Bùi Khắc Thiện						
30	170	25CH1A_40	Bùi Trần Trung Thiện						

Tổng số: **30**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...

Số sinh viên có mặt:

Số bài thi:

Số sinh vắng mặt:

Số tờ giấy thi:

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : **Vẽ kỹ thuật**

Học kỳ: 1

Khóa học : CDK2025

Năm học: 2025

Bậc đào tạo : Cao đẳng chính quy

Phòng thi: Phòng A07

Ngày thi : 16/01/2026

Giờ thi: 15.00 Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	171	25CH1B_42	Trần Nguyễn Quốc Thiện						
2	172	25CH1C_42	Trương Huỳnh Ngọc Thiện						
3	173	25CH1A_41	Đặng Phú Thịnh						
4	174	25CH1A_42	Nguyễn Duy Thịnh						
5	175	25CH1D_40	Nguyễn Hoàng Thịnh						
6	176	25CH1A_43	Nguyễn Phan Cảnh Thịnh						
7	177	25CH1D_41	Trần Phú Thịnh						
8	178	25CH1B_43	Trần Thị Thu Thoa						
9	179	25CH1A_44	Nguyễn Nhật Minh Thuận						
10	180	25CH1B_44	Trần Duy Thuận						
11	181	25CH1C_44	Nguyễn Mai Tiên						
12	182	25CS1A_42	Mai Minh Tiến						
13	183	25CH1C_45	Huỳnh Công Tính						
14	184	25CS1A_43	Phạm Nguyễn Đình Toàn						
15	185	25CH1D_49	Phan Thanh Toàn						
16	186	25CS1A_44	Trần Cẩm Toàn						
17	187	25CH1A_45	Trương Ngọc Toàn						
18	188	25CH1B_45	Đoàn Thị Bích Trâm						
19	189	25CS1A_45	Nguyễn Trần Trân						
20	190	25CH1C_46	Nguyễn Thị Thu Trang						
21	191	25CH1B_47	Dương Minh Trí						
22	192	25CS1A_46	Huỳnh Túc Trí						
23	193	25CS1A_47	Lê Trung Nhật Trí						
24	194	25CH1B_46	Lê Văn Triết						
25	195	25CH1D_43	Trần Ngọc Mỹ Trinh						
26	196	25CH1A_46	Thượng Huỳnh Việt Trung						
27	197	25CS1A_49	Ngô Doãn Xuân Trường						
28	198	25CH1D_44	Nguyễn Anh Trường						
29	199	25CH1C_47	Nguyễn Đan Trường						
30	200	25CH1B_49	Lại Tuấn Tú						
31	201	25CS1A_50	Tạ Thái Tú						
32	202	25CH1C_48	Trần Phạm Anh Tuấn						
33	203	25CH1B_48	Võ Hoàng Tuấn						
34	204	25CH1D_45	Võ Phi Quang Tuấn						

35	205	25CH1D_47	Trần Nguyễn Khiết	Tường					
36	206	25CH1D_46	Lưu Văn	Tuyên					
37	207	25CS1A_51	Nguyễn Phạm Huy	Uyên					
38	208	25CH1A_47	Phạm Thái Tú	Uyên					
39	209	25CS1A_52	Lê Quốc	Việt					
40	210	25CH1B_50	Ngô Thanh	Vinh					
41	211	25CH1D_48	Phan Thanh	Vinh					
42	212	25CH1C_49	Cao Bá	Vũ					
43	213	25CH1C_50	Lê Minh	Vũ					
44	214	25CH1A_48	Bùi Phương	Vy					

Tổng số: **44**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...

Số sinh viên có mặt:

Số bài thi:

Số sinh vắng mặt:

Số tờ giấy thi:

Giám thị 1

Giám thị 2

Duyệt

Trưởng khoa

Thư ký khoa

45. 23CH1B-13 Hoàng Nguyễn Gòa Huy
46. 23CH1B-22 Nguyễn Thị Nhân
47. 22CH1A-08 Nguyễn Tri Ti Di
48. 23CH1B-0V Võ Đức Đạt
49. 23CH1C-23 Nguyễn Thành Nam